

NÂNG CAO HIỆU QUẢ BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN VẬT LÝ DẠY THEO CHƯƠNG TRÌNH VÀ SÁCH GIÁO KHOA MỚI Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG MIỀN NÚI

○ PGS. TS. NGUYỄN VĂN KHÀI*

Thực hiện chủ trương đổi mới giáo dục phổ thông (GDPT), theo đó phải «thực hiện đồng bộ đổi mới chương trình, sách giáo khoa (CT-SGK), phương pháp dạy và học (PPDH) với việc đổi mới cơ bản phương pháp đánh giá, thi cử, đổi mới đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên (BDGV)” (Nghị quyết 40/2000/QH10), trong những năm qua Bộ GD-ĐT đã rất quan tâm chỉ đạo và triển khai cụ thể công tác BDGV. BDGV đã được xác định là vừa mang tính chiến lược, vừa cấp bách nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu của đổi mới GDPT. Chủ trương đó đã được thể hiện qua các nội dung bồi dưỡng thường xuyên (BDTX) theo các chu kì: chu kì I (1992-1996), chu kì II (1997-2002) và chu kì III (2004-2007); trong đó nội dung bồi dưỡng (BD) của chu kì III đã trực tiếp hướng vào việc triển khai CT-SGK mới. Bên cạnh BDTX, đối với các tỉnh miền núi còn được tham gia chương trình BD nâng cao năng lực về đổi mới PPDH cho đội ngũ GV cốt cán do Dự án phát triển GDTHPT trực tiếp chỉ đạo triển khai (ở miền núi phía Bắc có các tỉnh như Bắc Kạn, Cao Bằng, Hà Giang, Lạng Sơn, Sơn La, Hoà Bình, Điện Biên, Lai Châu,...). Hầu hết GV Vật lý dạy theo CT-SGK mới cấp THPT ở các tỉnh miền núi đã được tham gia BDTX, BD thay SGK và đã được cấp chứng chỉ theo quy chế BDGV. Bước vào năm học mới 2008-2009, sau khi triển khai dạy theo SGK mới cho lớp 12, việc BDGV theo chương trình BDTX và BD thay SGK về cơ bản đã được thực hiện. Ở thời điểm này có thể tiến hành các nghiên cứu thực tế về hiệu quả của công tác BDGV, lấy quy chiếu là các yêu cầu thực hiện CT-SGK mới đã được triển khai, từ đó có các hoạt động hoàn thiện tiếp theo.

Với sự nghĩ đó, chúng tôi đã tiến hành tìm hiểu thực tế ở một số trường và trao đổi với GV Vật lý đang dạy ở các trường THPT ở một số tỉnh miền núi, các trường: Lương Ngọc Quyến, Đông Hí, Chu Văn An, Phú Lương, Đại Từ (Thái Nguyên);

Lương Sơn, Lạc Long Quân (Hoà Bình); Hoàng Văn Thụ, Sơn Thịnh, Nguyễn Huệ, Hoàng Quốc Việt, Trần Nhật Duật (Yên Bái) và GV các tỉnh Bắc Kạn, Cao Bằng, Hà Giang, Lạng Sơn tham gia các lớp BD. Từ đó, chúng tôi đề xuất một số biện pháp góp phần phát huy hiệu quả BDGV hướng đến việc thực hiện tốt các yêu cầu của CT-SGK mới.

1. Các kết quả thực tiễn của công tác BDGV vật lý

Có thể nhận thấy đại bộ phận GV đã có sự chuyển biến rõ về nhận thức: việc đổi mới CT-SGK không chỉ thể hiện ở cấu trúc CT, nội dung SGK mới những điểm mới của nội dung SGK và những chỗ «khó» đối với đối tượng HS miền núi. GV đã ý thức rõ nét sự đổi mới quan điểm vận dụng các PPDH với trọng tâm là tổ chức hoạt động nhận thức của HS, quan tâm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, phát triển năng lực tự học của HS, đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá (KT-ĐG) kết quả học tập của HS. Với đặc thù dạy học bộ môn Vật lý, việc khai thác, vận dụng phương pháp thực nghiệm (PPTN), phương pháp mô hình, sử dụng các trang thiết bị dạy học (TBDH) hiện đại (như máy vi tính (MVT), đèn chiếu,...) được các GV quan tâm nhiều. Nhiều GV đã khắc phục khó khăn để tự trang bị cho mình MVT, tự bố trí thời gian học sử dụng các thiết bị thí nghiệm, kinh nghiệm xây dựng và sử dụng các giáo án điện tử (GADT); một số GV đã quan tâm khai thác các website phục vụ cho DH Vật lý.

Các kết quả của hoạt động của GV về đổi mới PPDH, đổi mới công tác KT-ĐG kết quả học tập của HS: thể hiện ở chỗ: các bài soạn của GV đã nêu bật được mục tiêu kiến thức, kĩ năng; nêu bật được các hoạt động nhận thức của HS, hoạt động trợ giúp của GV. Nhìn chung, trong cấu trúc của bài soạn GV đã thể hiện sự quan tâm vận dụng các PPDH tích cực, các biện pháp tổ chức hoạt động nhận thức, phát huy năng lực học tập của HS. Bên

* Trưởng Đại học sư phạm - Đại học Thái Nguyên

các hình thức và phương pháp kiểm tra tự luận, GV đã vận dụng được phương pháp trắc nghiệm khách quan (TNKQ), một số GV còn có thể sử dụng được các phần mềm soạn đề thi TNKQ, hướng dẫn cho HS thực hiện bài thi TNKQ.

Nhìn chung, ở các mức độ khác nhau GV đã vận dụng được các kết quả BD vào thực tế công tác chuyên môn của mình theo các yêu cầu của CT-SGK mới.

2. Một số hạn chế

Về đổi mới PPDH: mặc dù trong bài soạn đã thể hiện được việc tổ chức các hoạt động dạy và học, tổ chức hoạt động nhận thức của HS, song trên thực tế, ảnh hưởng của cách dạy thuyết trình vẫn còn nhiều; việc xây dựng các tình huống nhận thức, vận dụng phối hợp các PPDH để tổ chức các hoạt động giải quyết vấn đề chưa được rõ nét. GV còn bị áp lực bởi khối lượng kiến thức của bài học. Việc nghiên cứu CT-SGK mới còn chiếm nhiều thời gian của GV; mặt khác có thể thời gian dành cho việc nghiên cứu vận dụng các PPDH tích cực cũng chưa được nhiều nên kết quả tổ chức quá trình DH theo các PPDH tích cực vẫn còn hạn chế.

Về sử dụng MVT, ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) vào đổi mới PPDH mặc dù đã được quan tâm bồi dưỡng, song còn hạn chế, chưa có tính đại trà, chưa có hiệu quả cao. Trên thực tế, chỉ có một số GV, chủ yếu là các GV trẻ, có thể sử dụng tương đối tốt MVT vào việc xây dựng GADT, khai thác thông tin từ internet phục vụ cho DH. Các GADT chủ yếu thể hiện như các bài giảng mẫu, bài giảng thi GV dạy giỏi. Nguyên nhân là việc tự trang bị MVT cá nhân vẫn còn là vấn đề khó khăn đối với nhiều GV. Mặc dù các trường đều có trang bị phòng MVT, tạo điều kiện cho GV sử dụng, song do thời gian lên lớp nhiều, chỗ làm việc của GV ở bộ môn chưa thuận lợi, trang bị ở các lớp học như mạng điện, đèn chiếu, ... còn thiếu và chưa phù hợp cho GV sử dụng; mặt khác việc xây dựng một GADT cũng đòi hỏi GV tốn nhiều thời gian, chưa kể các trục trặc kĩ thuật của MVT và các PTDH, ... nên đã hạn chế việc sử dụng phương tiện CNTT trong DH.

Việc phát triển năng lực tự đánh giá của HS và vận dụng phương thức KTKQ là các điểm mới trong công tác đổi mới KT-DG kết quả học tập của HS. Nhiều GV đã nắm được quy trình kiểm tra theo TNKQ song vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong việc lựa chọn và xây dựng đề thi, trong việc tổ chức thi theo phương thức TNKQ. GV vẫn còn băn

khó khăn khi tiến hành TNKQ thì nhiều kĩ năng của HS như vận dụng khái niệm, định luật vật lí, thuyết vật lí ở đó đòi hỏi HS phải phân tích hiện tượng, lập phương trình, thể hiện kĩ năng vận dụng các phương pháp đặc thù của vật lí học, tính sáng tạo của HS không được kiểm tra đầy đủ.

Phương pháp thí nghiệm (PPTN) trong DH Vật lí đã được quan tâm nhiều hơn thể hiện ở việc các thiết bị thí nghiệm cho các khối lớp 10, 11, 12 tương đối đầy đủ và đồng bộ, phù hợp với chuẩn do Bộ GD-ĐT quy định, tạo điều kiện cho GV đổi mới PPDH phù hợp với đặc thù bộ môn. Song, do từ nhiều năm, CSVC của các trường nói chung còn rất khó khăn như lớp học, phòng thí nghiệm ở một số nơi còn chật hẹp nên nhìn chung các trường đều không có phòng DH bộ môn. Việc lắp đặt mạng điện, thiết bị cho phòng học còn thiếu thốn và chưa phù hợp. Đối với thí nghiệm thực hành Vật lí, số HS trong một nhóm còn đông, phòng chật hẹp nên GV khó bao quát hướng dẫn HS có hiệu quả. Nhiều thí nghiệm biểu diễn tiến hành thành công ở phòng thí nghiệm, nhưng do phải tháo gỡ để mang đến lớp học lắp đặt lại (trong thời gian giữa các tiết học) nên đã không đạt kết quả; nhất là với một số thí nghiệm có sử dụng các dụng cụ đo chính xác. Nhiều trường do không có cán bộ thiết bị phụ trách phòng thí nghiệm, cùng với điều kiện bảo quản hạn chế, khí hậu ẩm ướt ở miền núi nên độ bền của các thiết bị thí nghiệm bị ảnh hưởng. Sử dụng các thiết bị thí nghiệm Vật lí hiện nay vẫn là công việc tốn nhiều công sức của GV, vì vậy, khó có thể thực hiện đầy đủ thí nghiệm trong các giờ dạy như yêu cầu của CT-SGK mới đề ra.

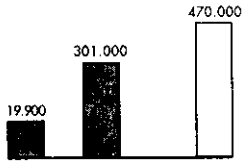
3. Một số biện pháp phát huy hiệu quả của BDGV

Xuất phát từ thực tế thực hiện CT-SGK mới của GV vật lí ở các trường THPT miền núi, góp phần phát huy kết quả của công tác BDGV để thực hiện tốt các yêu cầu của CT-SGK mới, chúng tôi xin nêu một số biện pháp như sau:

1) Tiếp tục thực hiện công tác BDGV theo hướng bám sát các yêu cầu của CT-SGK mới, gắn với thực tiễn DH ở các trường. Trước hết, về nội dung BD cần xuất phát từ nhu cầu thực tế, thiết thực của GV. Một số nội dung được GV quan tâm là: vận dụng các PPDH tích cực; phát triển hứng thú và năng lực tự học của HS; ứng dụng CNTT, xây dựng GADT theo hướng tích cực hoá hoạt động nhận thức của

(Xem tiếp trang 22)

thứ nhất của thực dân Pháp” - Lịch sử 11, để giúp HS thấy rõ chính sách cướp đoạt ruộng đất của thực dân Pháp, GV hướng dẫn HS vẽ biểu đồ sau: Muốn HS vẽ được sơ đồ trên, GV yêu cầu các



Sơ đồ biểu diễn số diện tích ruộng đất mà thực dân Pháp chiếm trong những năm 1890-1912

em khai thác nội dung SGK để rút ra được các số liệu về diện tích ruộng đất của nông dân mà thực dân Pháp cướp đoạt theo từng năm (năm 1890: 19.900 ha; năm 1910: 301.000 ha; năm 1912: 470.000 ha). Vẽ các cột đứng với độ cao tương ứng với tỉ lệ số diện tích ruộng đất của nông dân bị thực dân Pháp chiếm đoạt. Khoảng cách năm ngang dưới các cột cũng có tỉ lệ tương ứng với khoảng cách của các năm. Từ phương tiện trực quan này, HS sẽ dễ rút ra nhận xét, trong thời gian đầu của cuộc khai thác thuộc địa, thực dân Pháp tăng cường chiếm đoạt ruộng đất của nông dân với quy mô và cường độ cao hơn các năm trước đó.

Trong dạy học LS nói chung, dạy học LS Việt Nam lớp 11 (1858-1918) nói riêng, để HS có

được kĩ năng thiết kế các loại đồ dùng trực quan, GV cần thực hiện các biện pháp sư phạm theo quy trình sau: 1) Trang bị cho HS các kiến thức cơ bản hay yêu cầu các em nghiên cứu sách giáo khoa hoặc các tài liệu tham khảo để nắm vững nội dung bài học; 2) Hướng dẫn HS lựa chọn các loại đồ dùng trực quan thích hợp (ở đây là các loại đồ dùng trực quan quy ước) để diễn tả các nội dung LS đó; 3) Hướng dẫn HS kĩ thuật thiết kế các loại đồ dùng trực quan. GV cần lấy ví dụ minh họa làm mẫu; 4) Tùy vào tiến trình của từng bài học cụ thể, GV ra bài tập trên lớp hay bài tập về nhà để HS thực hiện nhằm tập luyện các KNTH với mức độ thuần thục ngày càng tăng. □

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Côi (chủ biên). **Rèn luyện kĩ năng nghiệp vụ sư phạm môn Lịch sử**. NXB Đại học sư phạm Hà Nội, 1995.
2. Đặng Văn Hồ - Trần Quốc Tuấn. **Bài tập Lịch sử ở trường phổ thông**. NXB Giáo dục. H. 2005.
3. Phan Ngọc Liên (tổng chủ biên). **Lịch sử 11**. NXB Giáo dục. H. 2006.
4. Phan Ngọc Liên (tổng chủ biên). **Lịch sử 11** - (Sách giáo viên). NXB Giáo dục. H. 2006.
5. Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên). **Tiến trình lịch sử Việt Nam**. NXB Giáo dục. H. 2000.

Nâng cao hiệu quả...

(Tiếp theo trang 45)

HS... Về hình thức BD: GV thấy cần phối hợp tốt việc tự BD, trao đổi ở tổ bộ môn với tập trung BD có chuyên gia hướng dẫn. Cần đổi mới cách viết tài liệu BD sao cho GV có thể tự nghiên cứu, tự vận dụng thực hành trong quá trình tự BD, tỉ lệ hướng dẫn thực hành phải từ 50% thời lượng trở lên.

2) Nâng cao vai trò quan trọng của hiệu trưởng trong việc quản lí và phát huy các kết quả BDGV. Trên thực tế, có thể thấy chất lượng của công tác BDGV gắn liền với chất lượng giáo dục của nhà trường. Chất lượng hoạt động DH của GV tác động trực tiếp tới kết quả học tập của HS. Tuy nhiên, chất lượng giáo dục của một trường phải là kết quả của công tác quản lí chất lượng tổng thể, bao gồm nhiều mặt hoạt động của nhà trường và các điều kiện đảm bảo chất lượng. Vì vậy, theo chúng tôi cần nghiên cứu áp dụng các tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng cho các trường

phổ thông, trong đó công tác BDGV và chuẩn hoá hoạt động chuyên môn của GV. Có như vậy, công tác BDGV sẽ luôn xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của mỗi trường, kết quả BD sẽ bền vững và được phát huy.

3) Tăng cường cơ sở vật chất (CSVC) cho các trường theo hướng nâng cao hiệu quả sử dụng TBDH như thiết bị thí nghiệm, trang thiết bị nghe nhìn và phương tiện CNTT. CSVC, lớp học luôn là vấn đề khó khăn đối với các trường miền núi, tuy nhiên đối với các trường THPT thường ở nơi đông dân cư, thuận tiện đi lại nên điều kiện trường lớp trang thiết bị cũng đỡ khó khăn hơn. Vì vậy, các trường có thể hoàn thiện một số việc nhỏ để có thể nâng cao hiệu quả sử dụng TBDH, như bố trí, lắp đặt lại hệ thống điện ở lớp học thuận tiện cho việc sử dụng các thiết bị thí nghiệm, MVT, đèn chiếu,... Nếu có điều kiện nên bố trí phòng thí nghiệm Vật lí theo mô hình của phòng DH bộ môn để thuận tiện cho việc bảo quản thiết bị, tiến hành các thí nghiệm thực hành của HS và các bài học có sử dụng thí nghiệm biểu diễn. □